TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 05 – 2020
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông: **Nguyễn Văn Khánh.**
Các Hội thẩm nhân dân : Bà: **Nguyễn Thị Thanh Hà**
Bà: **Nguyễn Thị Mai**

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà : Ông: **Hoàng Minh Anh —** Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Tám**- Kiểm sát viên .

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2020 theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXX-ST ngày 24/4/2020, giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1993 (có mặt).
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Đội 1, thôn VL, xã VL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.
Chỗ ở: Tổ 6, Thị trấn CĐ, huyện ML, thành phố Hà Nội.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc T1**, sinh năm: 1985 (vắng mặt).
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Đội 1, thôn VL, xã VL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Nhận thấy

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai tại tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2016 tại UBND xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Sau ngày c- ới anh chị đoàn tụ ngay, nhưng thời gian chung sống của vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau có lần đánh nhau, nguyên nhân là do chồng không quyết được mọi việc trong gia đình, một phần là

cũng do gia đình nhà anh T1. Việc này chị đã khuyên giải nhiều lần không những anh không nghe mà còn đánh chị, nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân nhau từ tháng 6/2019, đã có lần chị làm đơn xin ly hôn và được Tòa án thụ lý giải quyết nhưng chị xin rút đơn để về đoàn tụ, nhưng không thể thay đổi được gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn, nên yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh T1.

Về con: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà M, Sinh ngày 31/7/2017. Khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi d- ỡng, chăm sóc vì cháu còn quá nhỏ và không yêu cầu anh T1 cấp d- ỡng nuôi con.

Về tài sản: Nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, công nợ: Không có, nên chị không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết .

Về phía anh Nguyễn Ngọc T1: Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T1 không đến toà, Tòa án đã tiến hành các thủ tục thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh T1 không đến tòa làm việc, cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T. Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã thông báo nhưng anh T1 không có mặt nên phải hoãn phiên tòa và thông báo chuyển sang ngày hôm nay nhưng anh T1 cũng không có mặt, do vậy Toà án xét xử vắng mặt anh T1 để đảm bảo quyền lợi của chị T.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán của HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: Căn cứ Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn " Xin ly hôn" của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T1.

Chấp nhận chị T được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc Trà M, Sinh ngày 31/7/2017. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung thành niên hoặc có quyết định khác. Anh T1 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung, đất sản xuất nông nghiệp, đất ở, công sức, công nợ: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Từ những ý kiến trên, đề nghị HĐXX cân nhắc để tuyên bản án có căn cứ, đúng pháp luật.

Chị T không có tranh luận gì .

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Anh Nguyễn Ngọc T1 vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, do vậy cần áp dụng quy định

tại điểm b khoản 1 điều 238, Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T1.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2016 tại UBND xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.Tuy nhiên, khi kết hôn do cả hai đều còn trẻ nên cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù thời gian kết hôn vào khoảng 4 năm nhưng thực tế chỉ ở với nhau được khoảng 2 năm, do cuộc sống vợ chồng không hiểu nhau, xuất phát từ việc kinh tế và quan điểm sống không cùng quan điểm nên vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau có lần đánh nhau, nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân nhau từ tháng 6/2019 cho đến nay anh chị vẫn sống ly thân nhau,cả hai đều không có biện pháp tích cực nào để cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng mặc dù trước đó đã được Tòa án giải quyết ly hôn nhưng rút về để đoàn tụ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã Tiến hành các thủ tục thông báo cho anh T1 về việc chị T khởi kiện xin ly hôn, nhưng anh T1 không có ý kiến gì và cũng không đến tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, cho biết quá trình vợ chồng anh T1 chị T chung sống với nhau xảy ra mâu thuẫn nhiều năm nay, chính quyền địa phương Hội phụ nữ đã nhiều lần đến gia đình động viên khuyên bảo nhưng không có kết quả, vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị T xin ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn và giao con chung cho chị T nuôi vì cháu còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Từ nhận định trên HĐXX xem xét các tài liệu có trong hồ sơ do chị T cung cấp và Tòa án thu thập thì vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung, không có cơ hội để hàn gắn và mong muốn Toà án tạo điều kiện để được ly hôn . Do đó Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2015, Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao, việc chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T là cần thiết và cho chị T đ- ợc ly hôn với anh T1 là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà M, Sinh ngày 31/7/2017. Tại phiên toà hôm nay chị T đề nghị được nuôi con không yêu cầu phần đóng góp nuôi con chung, HĐXX xét thấy con dưới 36 tháng tuổi và khả năng của chị T đáp ứng được nên để đảm bảo quyền lợi của con chung, cần áp dụng điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao con chung cho chị T nuôi d- ỡng là phù hợp. Do chị T không đề nghị giải quyết việc cấp d- ỡng nên không xét.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, đất sản xuất nông nghiệp và đất ở: Không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có tranh chấp xảy ra sẽ đ- ợc xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Quyết định

Căn cứ Điều: 51, 56, 81 và 82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, Khoản 4 Điều 147, 228, 271, 273 và điểm b khoản 1, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1/ Quan hệ hôn nhân : Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T1.

2/ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà M, Sinh ngày 31/7/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Toà án.

Anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3/Về tài sản: Đất ở, đất nông nghiệp, công sức, công nợ: Chị T không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai sốAA/2018/0015386 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh (Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí).

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, anh T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;*
- *THADS huyện Đông Anh*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Khánh